

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2020/DS-ST

Ngày: 12-8-2020.

“V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng do tài sản bị
xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: Quang Kim Cúc.

2. Ông: Nguyễn Chí Công.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Cao Diễm - Cán bộ Tòa
án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp – Bà*
Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án ở trụ sở Tòa án
nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai
vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2020, “V/v tranh
chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”. Theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐST-DS, ngày 24/6/2020 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 509/2020/QĐST-DS ngày 15/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1948; Địa chỉ: xã V, huyện Lai
Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N là bà Nguyễn Thị M,
sinh năm: 1956. Địa chỉ: xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt). Theo
Giấy ủy quyền ngày 24/02/2020.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1974 (vắng mặt);

2.2. Bà Phạm Thị Bé C, sinh năm: 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Ông Võ Thanh T, sinh năm: 1975 (vắng mặt); Địa chỉ: xã V, huyện Lai
Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng:

3.1 Nguyễn Thị H, sinh năm: 1952; địa chỉ: xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Phạm Thị Minh P, sinh năm: 1973; địa chỉ: xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Lê Hữu H, sinh năm: 1981, địa chỉ: xã V, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN THẤY:

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Nguyễn Thị N là Nguyễn Thị Mai trình bày:

Thửa đất số 24 tờ bản đồ số 49 hiện nay là đất công trình giao thông do nhà nước quản lý, trước đây là đất do bà Nguyễn Thị N đứng tên quyền sử dụng đất và bà N trực tiếp canh tác hơn 30 năm. Năm 2006 nhà nước giải tỏa để làm cầu, làm xong cầu những hoa lợi của bà N như chuối,...vẫn còn bà N vẫn tiếp tục chăm sóc và dọn dẹp. Năm 2015 bà N có bán cho ông T 03 cái nền nhà, ông T mua xong chia cho người chị vợ 01 nền, ông T 01 nền, cả ba chị em ở phía bên trong lộ, cũng năm 2015 bà N có việc đi thăm con ở xa nên có gởi nhà và hoa lợi cho em là bà Nguyễn Thị Mai trông coi và nhang khói cho ông bà. Thấy bà N đi vắng ông T và ông T qua phần đất của bà N đang canh tác (trước cửa nhà của ông T, ông T) đốn của bà N 100 cây chuối. Lúc đó bà Mai em bà N có nhờ chính quyền giải quyết nhưng không được, khi bà N về thì thấy cây cối không còn thì bà N mượn hai người em là bà Mau và bà Mai cùng bà N bứng 25 cây chuối trồng vào các chỗ trống, vừa trồng xong thì bà C vợ ông T nhỏ lên bỏ hết.

Bà Nguyễn Thị N cho rằng từ năm 2015 đến năm 2019 ông T và ông T làm thiệt hại chuối của bà N là trên phần đất có 14 bụi (02 hàng), mỗi bụi 5 đến 10 cây, trung bình mỗi bụi có 05 buồng chuối, 01 năm là 70 buồng x 4 năm là 280 buồng chuối là 22.000.000 đồng. Công lao bà N mót gốc sậy, gốc đế, tu bổ, trồng chuối, chăm sóc, từ năm 2009 đến năm 2015 mới trồng được chuối là 17.000.000 đồng và tiền chuối cây là 10.600.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N cho rằng bà Phạm Thị Bé C nhỏ 25 cây chuối con thiệt hại của bà Nguyễn Thị N bao gồm: tiền công bà N bứng chuối, trồng chuối và mua chuối con là 600.000 đồng và 02 năm thu hoạch chuối bị mất là 4.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn T bồi thường tiền công trồng, chăm sóc chuối và tài sản bị thiệt hại 50 cây chuối thời gian từ năm 2015 đến 2019 là 25.000.000 đồng; Ông Võ Thanh T bồi Thường tiền công trồng, chăm sóc chuối và tài sản bị thiệt hại 50 cây chuối thời gian từ năm 2015 đến 2019 là 25.000.000

đồng; Bà Phạm Thị Bé C bồi thường tiền công trồng, chăm sóc chuối và tài sản bị thiệt hại 25 cây chuối thời gian năm 2017 đến năm 2019 là 4.600.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm khác.

Bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu xem xét miễn tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị N hiện nay đã đi thăm con ở nước ngoài, thường thì hàng năm bà N đi thăm con khoảng vài tháng thì về nhà, bắt đầu đi khoảng từ năm 2015 đến nay. Theo hộ chiếu của bà Nguyễn Thị N nộp tại Tòa án thì bà N còn Quốc tịch Việt Nam, thường xuyên sinh sống ở Việt Nam. Bà Nguyễn Thị Mai là đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà Nguyễn Thị N.

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và theo lời khai của ông Võ Thanh T ngày 11/3/2020: Vào khoảng năm 2016 ông T, ông T có mua phần đất của bà N để cất nhà ở, đến năm 2017 mới xây dựng nhà diện tích ngang 6m x 20m, trước cửa nhà của ông T giáp lộ nhựa có phần đất do Nhà nước quản lý bà N trồng chuối không ai chăm sóc, bị ngập nước, sùng hư hỏng nên ông T mới dọn dẹp cho trồng, trước cửa nhà ông T nên ông T không cho trồng chuối, phần đất bà N trồng chuối chỉ khoảng 18m², ông T chỉ đốn khoảng 03 bụi chuối là 9 cây mỗi cây 30.000 đồng, đồng ý bồi thường cho bà N 270.000 đồng. Đối với phần đất bà N trồng chuối trước cửa nhà ông Bùi Văn T thì diện tích trồng chuối khoảng 28m², chuối bị nước ngập, sùng, không ai chăm sóc hư hỏng nên ông T dọn dẹp khoảng 04 bụi chuối, bà Bé Chính có nhổ của bà N khoảng 04 cây chuối mới trồng. Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì thêm khác.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hai trình bày: Không có quan hệ bà con hay mâu thuẫn gì với nguyên đơn, bị đơn. Bà Hai không nhớ rõ năm nào bà N có mượn bà Hai nhổ gốc sậy, để tiếp bà N để trồng chuối nhưng do bà Hai không có thời gian rảnh nên không làm tiếp bà N, sau đó bà N mua chuối con để trồng (không biết bao nhiêu cây, không biết một cây bao nhiêu tiền) thì bà Hai có trồng chuối tiếp bà N, diện tích trồng chuối là toàn bộ phần đất trước cửa nhà bà N và trước cửa một số nhà lân cận nhà bà N cặp dốc cầu Cái Bàn trên. Trồng 02 hàng, mỗi cây, mỗi hàng cách nhau khoảng 2m đến 3m. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

* Người làm chứng bà Phạm Thị Minh Phượng trình bày: Là cháu của bà N, gọi bà N là mợ tư. Bà N có nhờ Phượng trông coi nhà cửa để đi thăm con ở xa, khi ông T, ông T, bà Bé Chính nhổ chuối thì Phượng không trực tiếp thấy, nghe người ta nói là ông T, ông T đốn chuối thì chị Phượng và bà Mai có đến thấy chuối đã bị đốn hết, sau đó bà Mai có nhờ Ban nhân dân áp giải quyết nhưng không xong. Sự việc xảy ra năm nào thì chị Phượng không nhớ rõ, cũng không biết bà N trồng chuối năm nào, trồng bao nhiêu cây, một cây bao nhiêu tiền.

* Người làm chứng anh Lê Hữu Hy trình bày: Nhà anh Hy giáp với nhà của

ông T và ông T, bà N. Anh Hy không có mâu thuẫn gì với các đương sự này. Theo như anh Hy biết thì trước cửa nhà của ông T, ông T (phần đất thuộc phạm vi lộ giới) trên đất trước cửa nhà của ông T có khoảng 03 đến 04 bụi chuối, trước cửa nhà của ông T có khoảng 03 đến 04 bụi chuối, mỗi bụi khoảng 04 cây, các cây chuối này không thấy ai chăm sóc, bị ngập nước, sùng... Khi ông T, ông T dọn dẹp thì anh Hy không trực tiếp thấy.

Anh Hy xin từ chối tham gia và xin vắng mặt tại các phiên xét của Tòa án vì bận công việc nên không đến Tòa án được.

Bị đơn Bùi Văn T, Phạm Thị Bé C, Võ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Ông Bùi Văn T, bà Phạm Thị Bé C không có văn bản, ý kiến gì phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát yêu cầu Hội đồng xét xử làm rõ Quốc tịch của bà Nguyễn Thị N, bà N đi nước ngoài theo diện nào. Tòa án chưa làm rõ nội dung này nên Kiểm sát viên không phát biểu quan điểm về phần nội dung giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông T, bà C, ông T bồi thường thiệt hại về tài sản đây là vụ án tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm. Bị đơn cư trú tại xã Vĩnh Thới huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Văn T, Phạm Thị Bé C, Võ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn T bồi thường tiền công trồng, chăm sóc chuối và tài sản bị thiệt hại 50 cây chuối thời gian từ năm 2015

đến 2019 là 25.000.000 đồng; ông Võ Thanh T bồi Thường tiền công trồng, chăm sóc chuối và tài sản bị thiệt hại 50 cây chuối thời gian từ năm 2015 đến 2019 là 25.000.000 đồng; Bà Phạm Thị Bé C tiền công trồng, chăm sóc chuối và tài sản bị thiệt hại 25 cây chuối thời gian năm 2017 đến năm 2019 là 4.600.000 đồng. Cụ thể bà Nguyễn Thị N cho rằng từ năm 2015 đến năm 2019 ông T và ông T làm thiệt hại chuối của bà N là trên phần đất có 14 bụi (02 hàng), mỗi bụi 5 đến 10 cây, trung bình mỗi bụi có 05 buồng chuối, 01 năm là 70 buồng x 4 năm là 280 buồng chuối là 22.000.000 đồng. Công bà N móc gốc sậy, gốc đề, tu bổ, trồng chuối, chăm sóc, từ năm 2009 đến năm 2015 mới trồng được chuối là 17.000.000 đồng và tiền chuối cây là 10.600.000 đồng. Bà Phạm Thị Bé C nhổ 25 cây chuối con thiệt hại của bà Nguyễn Thị N bao gồm: tiền công bà N bứng chuối, trồng chuối và mua chuối con là 600.000 đồng và 02 năm thu hoạch chuối bị mất là 4.000.000 đồng.

Xét lời trình bày của bà N, đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Mai và các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện tại phiên hòa giải ngày 28/02/2019 của UBND xã Vĩnh Thới, ngày 6/4/2017 của Ban nhân dân ấp Hòa Khánh, xã Vĩnh Thới, nội dung biên bản ông Bùi Văn T thừa nhận có đốn chuối của bà N khoảng 20 cây, đốn chuối của bà N như vậy là sai nhưng trước cửa nhà của ông nên ông không cho trồng chuối; Ông Võ Văn Tùng thừa nhận có đốn khoảng 9 cây chuối của bà N, đồng ý bồi thường cho bà N 09 cây chuối đã đốn là 270.000 đồng. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn Bùi Văn T, Phạm Thị Bé C, Võ Thanh T vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do, Bùi Văn T, Phạm Thị Bé C không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như Bùi Văn T, Phạm Thị Bé C, Võ Thanh T đã từ bỏ quyền phản bác của mình, từ những chứng cứ phân tích trên xác định ông T, bà Bé Chính, ông T tự ý đốn, nhổ chuối của bà N trồng mà chưa được sự đồng ý của bà N là xâm phạm trái pháp luật đến tài sản của bà N nên yêu cầu của bà N có cơ sở để chấp nhận nhưng cần phải xem xét thực tế tài sản bị thiệt hại, thực tế tài sản thiệt hại chứng minh được là ông T đốn 20 cây chuối, ông T đốn 9 cây chuối, bà Bé Chính nhổ 25 cây chuối con của bà N và căn cứ Công văn về việc cung cấp thông tin định giá cây trồng ngày 17/3/2020 của Phòng tài chính kế hoạch huyện Lai Vung giá chuối là: Cây chuối đang cho nhiều trái 50.000 đồng/01 cây, Cây sắp cho trái 25.000 đồng/01 cây, Cây mới trồng 5.000 đồng/01 cây nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Bùi Văn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 20 cây chuối x 50.000 đồng; Buộc bà Phạm Thị Bé C bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 25 cây chuối x 5.000 đồng; Buộc ông Võ Thanh T bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 9 cây chuối x 50.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với các yêu cầu khác bà N cho rằng công trồng, chăm sóc, mỗi 01 bụi cho 5 buồng, 01 năm thu nhập 70 buồng x thu nhập 04 năm... Ngoài lời trình bày ra không có tài liệu chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị N trực tiếp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N đã thực hiện thủ tục ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mai theo quy định pháp luật, Hộ chiếu của bà Nguyễn Thị N ghi nhận bà N, Quốc tịch Việt Nam, còn hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và thường xuyên sinh sống tại Việt Nam nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được Tòa án chấp nhận một phần nên Bùi Văn T, Phạm Thị Bé C, Võ Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bà N yêu cầu được Tòa án chấp nhận. Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận là phù hợp với phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Bùi Văn T bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 1.000.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Bé C bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 125.000 đồng.

Buộc ông Võ Thanh T bồi thường cho bà Nguyễn Thị N 450.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất

theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

3. Về tiền án phí:

Ông Bùi Văn T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị Bé C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Võ Thanh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị N được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/8/2020. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**